

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

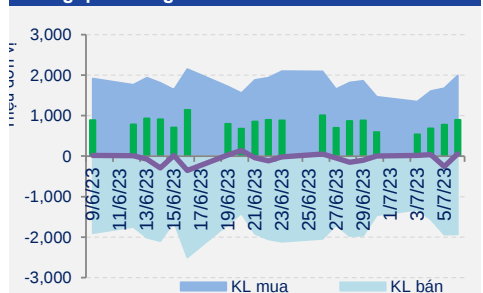
6/7/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

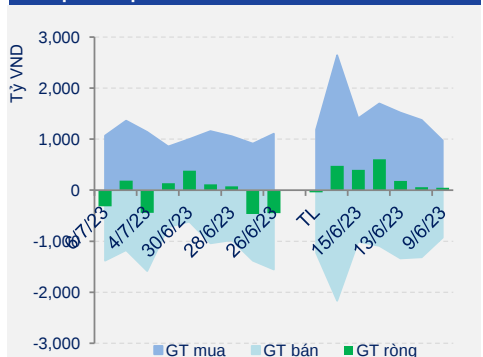
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,126.22	225.08
% Thay đổi	↓ -0.74%	↓ -1.21%
KLGD (CP)	893,464,102	119,655,532
GTGD (tỷ đồng)	18,573.73	1,896.51
Tổng cung (CP)	1,932,662,705	178,757,100
Tổng cầu (CP)	1,994,596,874	145,050,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,240,300	1,631,999
KL mua (CP)	34,656,300	2,564,160
GT mua (tỷ đồng)	1,065.96	40.87
GT bán (tỷ đồng)	1,383.55	54.49
GT ròng (tỷ đồng)	(317.59)	(13.62)

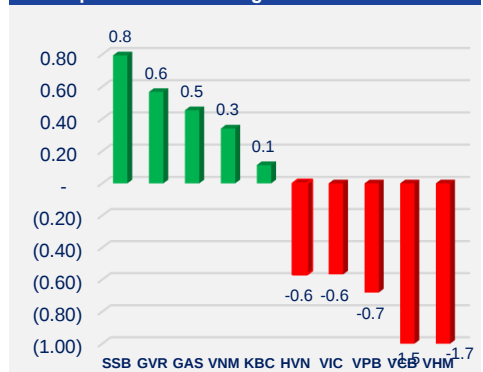
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 03 phiên liên tiếp tăng điểm kiểm tra lại vùng kháng cự quanh 1.140 điểm, VN-INDEX đã chịu áp lực điều chỉnh mạnh trong phiên hôm nay. Áp lực bán gia tăng nhẹ trong đầu phiên với thanh khoản thấp và gia tăng mạnh hơn vào đầu phiên chiều với thanh khoản đột biến hơn. Kết phiên VN-INDEX đóng cửa ở mức 1.126 điểm (-0,74%) sau khi giảm khá mạnh từ 1.135 điểm về vùng 1.120 điểm và phục hồi nhẹ trở lại. HNX-INDEX giảm 2,76 điểm (-1,21%), về mức 225,08 điểm. Độ rộng thị trường trên hai sàn trở nên tiêu cực hơn sau áp lực bán gia tăng với tổng cộng 447 mã giảm giá (10 mã giảm sàn), 138 mã tăng giá (04 mã tăng trần) và 100 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 20.465,21 tỷ đồng, tăng 9,49% so với phiên trước vượt mức trung bình, thể hiện áp lực bán gia tăng mạnh khá đột biến ở nhiều mã. Nhà đầu tư nước ngoài trở lại bán ròng trên HOSE với giá trị 317,59 tỷ đồng, trong đó bán ròng khá mạnh nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán, duy trì mua ròng nhóm thép, bán ròng trên HNX với giá trị 13,62 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin kém tích cực khi thị trường xuất nhập khẩu lớn Trung Quốc với Chỉ số Caixin/S&P tháng 6/2023 rơi xuống mức 50,5 điểm từ mức 50,9 điểm của tháng 5/2023. Cho thấy Hoạt động sản xuất tại các nhà máy của Trung Quốc tháng 6/2023 tăng trưởng chậm hơn, theo kết quả khảo sát được công bố và tỷ lệ thất nghiệp đối với nhóm thanh niên tại nước này đang ở mức cao nhất lịch sử, lên tới 20,8%.

Nhóm cổ phiếu có diễn biến kém tích cực nhất là dịch vụ tài chính, chứng khoán khi VND (-6,48%) chịu áp lực bán mạnh đột biến với khối lượng khớp lệnh kỷ lục 105 triệu cổ phiếu, tiếp theo là APS (-9,21%), VIX (-2,61%), CTS (-1,39%)... trong khi vẫn có những mã tăng giá như VCI (+2,42%), MBS (+1,55%), BSI (+1,28%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản hầu hết chịu áp lực bán khá mạnh với thanh khoản vượt mức trung bình như LGL (-4,28%), QCG (-4,21%), CII (-4,04%), DXG (-3,63%), NLG (-3,42%)... Các mã nhóm dầu khí sau giai đoạn tăng giá tốt cũng chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản ở mức trung bình như PVG (-3,88%), PVC (-2,66%), PVS (-2,36%), PVB (-1,96%)... ngoài GAS (+0,95%) với thanh khoản đột biến khá tích cực.

Các cổ phiếu ngân hàng cũng có diễn biến kém tích cực với đa số chịu áp lực bán, thanh khoản trên mức trung bình như NVB (-3,40%), STB (-2,68%), VPB (-2,01%), VIB (-1,51%)... ngoài các mã tăng giá với SSB (+4,76%), NAB (+3,16%), BVB (+0,92%), TPB (+0,55%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bảo hiểm lại có diễn biến khá tích cực sau thời gian tích lũy như BMI (+3,29%), MIG (+1,08%), BVH (+0,45%)... Các cổ phiếu cao su, khu công nghiệp phân hóa đa số cũng có diễn biến khá tích cực, thanh khoản cải thiện tốt trong phiên chiều với GVR (+2,99%), DTD (+2,34%), SZC (+2,05%), KBC (+1,86%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ như IDC (-0,93%), VGC (-0,90%), BCM (-0,37%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 giảm 8 điểm (-0,71%), thu hẹp mức chênh lệch còn -3,44 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 21,25% so với phiên trước, khối lượng mở OI tăng cho thấy các vị thế nắm giữ gia tăng. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 thu hẹp chênh lệch từ -6,44 điểm đến -17,24 điểm so với VN30, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng và khối lượng mở OI kỳ hạn VN30F2307 tăng. Cho thấy các trader kém lạc quan hơn với VN30, gia tăng các vị thế phòng ngừa rủi ro ở kỳ hạn VN30F2308.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Sau 3 phiên hồi phục liên tiếp để kiểm định trở lại đỉnh sóng hồi phục quanh vùng 1.140 điểm, phiên hôm nay thị trường điều chỉnh khá mạnh khi VN-Index giảm 8,40 điểm (-0,74%) và đóng cửa ở 1.126,22 điểm. Trong ngắn hạn chỉ số nhiều khả năng sẽ kiểm định lại vùng hỗ trợ từ 1.120 điểm – 1.125 điểm. Kháng cự gần của VN-Index vẫn đang quanh vùng 1.140 điểm, xa hơn là kháng cự mạnh 1.150 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Đúng như chúng tôi đã dự báo trong các bản tin gần đây, thị trường đã điều chỉnh khá mạnh trong phiên hôm nay sau khi tiệm cận vùng kháng cự 1.140 điểm trong phiên hôm qua. Với phiên giảm điểm hôm nay VN-Index có xu hướng test lại ngưỡng hỗ trợ 1.120 điểm và khả năng sẽ tiếp tục hình thành nền tảng tích lũy mới để chuẩn bị cho nỗ lực bứt phá hướng tới ngưỡng kháng cự 1.150 điểm trong thời gian tới.

Về góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường duy trì trong giai đoạn hồi phục sau khi đã bứt phá ra khỏi vùng tích lũy rất tốt trong 6 tháng trước đây và đang tiếp tục tạo ra những nền tảng cơ sở cho khả năng hình thành Uptrend trung hạn nếu các yếu tố vĩ mô tích cực và VN-Index vượt qua ngưỡng cản mạnh quanh 1.150 điểm.

Phiên điều chỉnh hôm nay không ảnh hưởng nhiều đến xu hướng vận động tích cực của thị trường trong trung hạn tuy nhiên xu hướng ngắn hạn sẽ tiếp tục có thêm rung lắc mang tính tích lũy, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn không nên mua đuổi trong các phiên tăng nhưng có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh tại vùng hỗ trợ để giải ngân hoặc cơ cấu lại danh mục với tỷ trọng trung bình. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại. Trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào ở các nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

6/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
GVR	20.70	18-18.6	22-23	16	25.0	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	13.35	12.5-13.2	15-15.5	12	16.7	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
POW	13.25	13.5-13.9	16.5-17	13	18.2	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	27.15	25-26.5	29-30	24	4.8	-32.9%	-84.9%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	36.50	26.4	34-36	34	38.26%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	24.20	18	24-26	23.5	34.44%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	52.00	40	52-54	49	30.00%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	33.10	25.1	33-34	32	31.87%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	14.00	12.75	18-18.5	13.4	9.80%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	58.80	54.8	65-67	58	7.30%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	30.05	28.05	34-35	28.5	7.13%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	53.50	51	62-64	51	4.90%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

FDI toàn cầu giảm 12% trong năm 2022, chủ yếu do các cuộc khủng hoảng đa tầng

Theo báo cáo Đầu tư Thế giới do Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) công bố ngày 5/7, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu giảm 12% trong năm 2022 xuống còn 1.300 tỷ USD. Xu hướng giảm thu hút FDI rõ nét nhất ở các nước phát triển, giảm khoảng 37% xuống còn khoảng 378 tỷ USD. FDI tại các quốc gia đang phát triển tăng khoảng 4% trong năm 2022 lên 916 tỷ USD và chiếm hơn 70% dòng FDI toàn cầu, đây là tỷ lệ đóng góp cao kỷ lục. Dù vậy, phần tăng tập trung ở một số ít các nền kinh tế mới nổi chính.

Diễn biến của thị trường hàng hóa làm dấy lên lo ngại suy thoái kinh tế toàn cầu

Chỉ số S&P GSCI Commodities đo lường hiệu suất của các thị trường hàng hóa khác nhau trên toàn cầu đã sụt giảm hơn 22% trong 12 tháng qua. Trong số các rổ hàng hóa khác nhau, kim loại công nghiệp đã giảm 3,79% trong 12 tháng qua (tính đến ngày 30/6), trong khi các hàng hóa năng lượng như dầu và khí đốt đã giảm 23%. Ngược lại, các mặt hàng nông nghiệp như ngũ cốc, lúa mì và đường đã tăng khoảng 11%.

Chứng khoán châu Á đồ lửa, Hang Seng giảm 3% sau biên bản họp của Fed

Chứng khoán châu Á-Thái Bình Dương giảm mạnh sau khi biên bản họp của Fed cho thấy các quan chức bất đồng về quyết định tạm ngưng nâng lãi suất trong tháng 6 và dự báo tiếp tục nâng lãi suất trong năm nay. Chỉ số Hang Seng của Hồng Kông dẫn đầu đà giảm trong khu vực, với mức lao dốc 3%. Ở Trung Quốc đại lục, Shanghai Composite giảm 0.65% và Shenzhen Component mất 0.7%.

TIN DOANH NGHIỆP

SMB tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2023 tỷ lệ 25%

HĐQT của CTCP Bía Sài Gòn - Miền Trung (HOSE: SMB) đã thông qua nghị quyết tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 25%. Cổ tức sẽ được tạm ứng bằng tiền. Theo đó, nhà đầu tư sẽ nhận được 2,500 đồng cổ tức cho mỗi cổ phiếu. Ngày chốt quyền của đợt trả tạm ứng cổ tức là 18/07. Ngày chi trả cổ tức là ngày 28/07. Với hơn 29.8 triệu cp đang lưu hành, SMB sẽ chi gần 75 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này.

SHI liên tục mua lại trước hạn trái phiếu

Từ đầu năm 2023 đến nay, CTCP Quốc tế Sơn Hà (HOSE: SHI) đã có tổng cộng 3 lần mua lại trước hạn trái phiếu với tổng giá trị 108 tỷ đồng đối với lô trái phiếu SHIH2124001 phát hành ngày 28/07/2021. Ngày 04/07, SHI công bố thông tin về kết quả mua lại trước hạn trái phiếu SHIH2124001. Cụ thể, Công ty đã mua lại 38 tỷ đồng trong số 210 tỷ đồng đang lưu hành của lô trái phiếu. Giao dịch được thực hiện trong ngày 30/06/2023. Khối lượng sau khi mua lại còn 172 tỷ đồng.

2,2 tỷ cổ phiếu Vietnam Airlines bị hạn chế giao dịch

Từ ngày 12/7, cổ phiếu HVN của Vietnam Airlines chỉ được giao dịch phiên chiều do tiếp tục chậm nộp báo cáo tài chính kiểm toán 2022. Quyết định chuyển cổ phiếu của Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) từ diện kiểm soát sang hạn chế giao dịch vừa được Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo chiều 5/7.

HPG: Sản lượng bán thép tháng 6 cao nhất từ đầu năm

Tháng 6/2023, Tập đoàn Hòa Phát sản xuất 520,000 tấn thép thô, giảm 23% so với cùng kỳ 2022. Sản lượng bán hàng các sản phẩm thép xây dựng, thép cuộn cán nóng (HRC), phôi thép đạt 540,000 tấn, giảm 4% so với cùng kỳ 2022 nhưng là mức cao nhất kể từ đầu năm nay.

Công ty con của Trung Nam xin lùi ngày thanh toán nợ trái phiếu

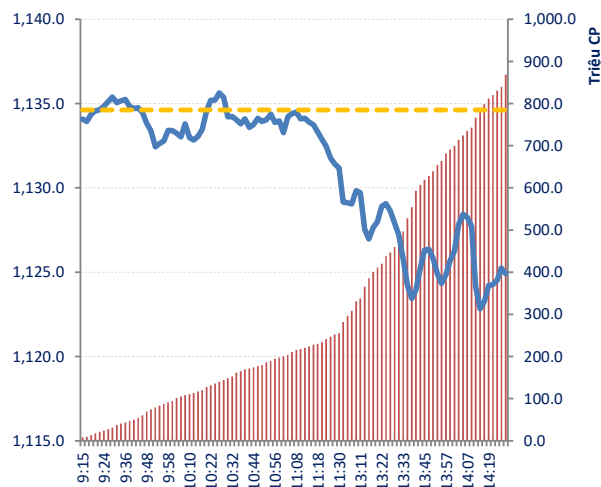
CTCP Năng lượng Tái tạo Trung Nam, thành viên thuộc Trungnam Group vừa công bố dời ngày thanh toán lãi và gốc của lô trái phiếu có mã TREC2223001 từ ngày 30/06 sang 04/08/2023. Lô trái phiếu này trị giá 1,500 tỷ đồng được hoàn tất phát hành ngày 30/06/2022 với kỳ hạn 1 năm. Lãi suất phát hành được công bố trên trang Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội là 11.5%/năm.

Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PGD) chia cổ tức 45% bằng tiền và thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1

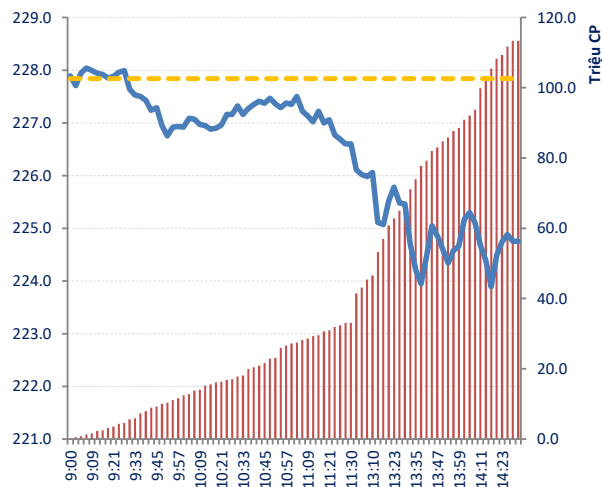
Ngày 21/7 tới đây, CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (HOSE: PGD) sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2022 và nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, Công ty sẽ trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 45%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 4.500 đồng. Với gần 90 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, PGD sẽ chi khoảng 405 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Thời gian thanh toán cổ tức là ngày 28/9.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

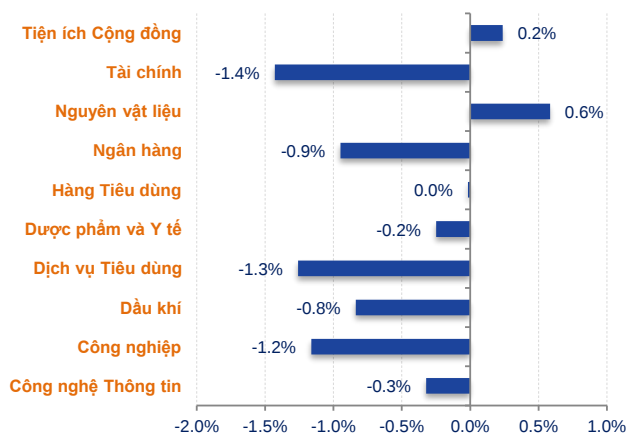
KLGD và VN-Index trong phiên



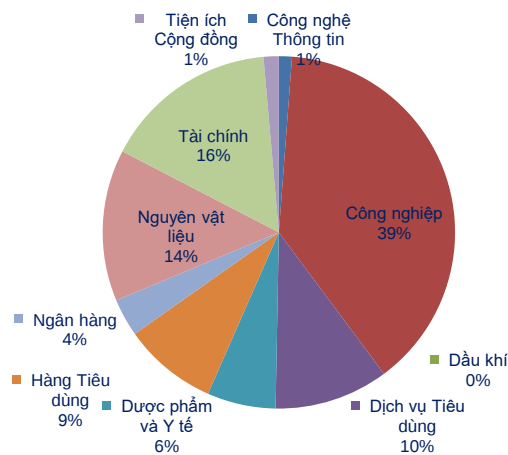
KLGD và HNX-Index trong phiên



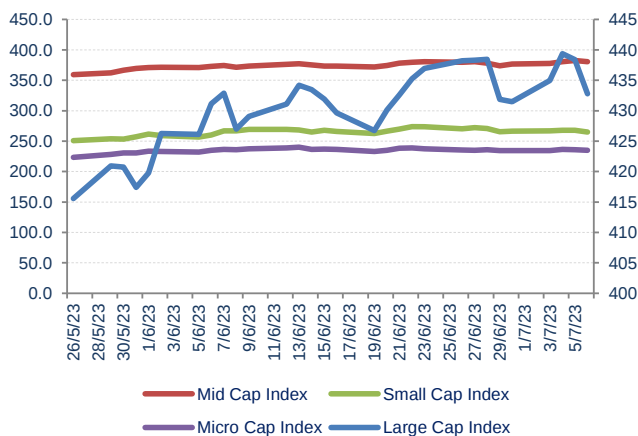
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



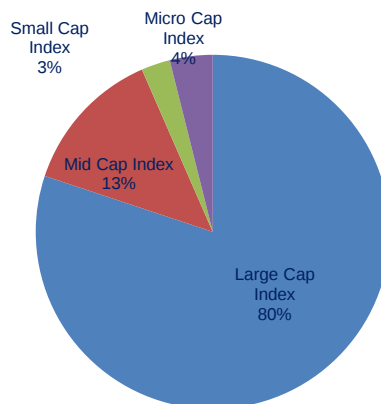
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	2,030,500	STB	4,180,100
2	GEX	1,080,900	HDB	1,952,900
3	TPB	923,800	SHB	1,774,200
4	KBC	798,600	NLG	1,110,000
5	SSI	776,700	VNM	980,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	1,966,700	PVS	656,300
2	TNG	117,000	IDC	502,400
3	MBS	74,000	API	64,900
4	IDJ	59,230	NVB	50,000
5	VCS	27,100	BVS	40,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	19.30	18.05	↓ -6.48%	106,968,000
SHB	13.15	13.05	↓ -0.76%	29,352,914
SSI	26.20	26.30	↑ 0.38%	29,176,400
HPG	26.95	27.00	↑ 0.19%	28,121,301
STB	29.90	29.10	↓ -2.68%	26,337,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	13.60	13.60	→ 0.00%	26,524,141
IDJ	6.80	6.20	↓ -8.82%	11,707,318
PVS	33.90	33.10	↓ -2.36%	10,332,052
APS	7.60	6.90	↓ -9.21%	9,164,702
CEO	23.80	23.10	↓ -2.94%	5,901,499

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTB	48.60	52.00	3.40	↑ 7.00%
GIL	27.65	29.55	1.90	↑ 6.87%
STK	28.10	29.50	1.40	↑ 4.98%
SSB	27.30	28.60	1.30	↑ 4.76%
ABR	12.35	12.90	0.55	↑ 4.45%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THS	18.70	20.50	1.80	↑ 9.63%
SIC	29.70	32.50	2.80	↑ 9.43%
SMN	12.80	13.90	1.10	↑ 8.59%
SDG	16.50	17.90	1.40	↑ 8.48%
VE1	3.80	4.10	0.30	↑ 7.89%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMT	22.00	20.50	-1.50	↓ -6.82%
LGC	53.80	50.20	-3.60	↓ -6.69%
HVN	14.25	13.30	-0.95	↓ -6.67%
VND	19.30	18.05	-1.25	↓ -6.48%
SVC	41.85	39.20	-2.65	↓ -6.33%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDU	26.10	23.50	-2.60	↓ -9.96%
GLT	22.40	20.20	-2.20	↓ -9.82%
VNT	54.00	48.70	-5.30	↓ -9.81%
CKV	14.40	13.00	-1.40	↓ -9.72%
IPA	15.50	14.00	-1.50	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	106,968,000	4.1%	487	39.6	1.6
SHB	29,352,914	18.7%	2,610	5.0	0.9
SSI	29,176,400	6.9%	1,035	25.3	1.7
HPG	28,121,301	0.7%	114	236.0	1.6
STB	26,337,200	14.9%	3,006	9.9	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	26,524,141	2.1%	224	60.7	1.2
IDJ	11,707,318	8.0%	901	7.6	0.6
PVS	10,332,052	5.6%	1,498	22.6	1.2
APS	9,164,702	-44.5%	(5,589)	-	0.6
CEO	5,901,499	7.5%	1,057	22.5	1.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PTB	↑ 7.0%	14.9%	6,013	8.1	1.2
GIL	↑ 6.9%	8.7%	3,162	8.7	0.8
STK	↑ 5.0%	11.3%	1,851	15.2	1.7
SSB	↑ 4.8%	15.2%	1,594	17.1	2.5
ABR	↑ 4.5%	11.5%	1,617	7.6	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THS	↑ 9.6%	8.5%	1,235	15.1	1.2
SIC	↑ 9.4%	16.9%	3,704	8.0	1.5
SMN	↑ 8.6%	15.5%	2,662	4.8	0.7
SDG	↑ 8.5%	3.7%	1,723	9.6	0.4
VE1	↑ 7.9%	-17.0%	(888)	-	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	2,030,500	0.7%	114	236.0	1.6
GEX	1,080,900	0.1%	23	842.5	0.8
TPB	923,800	20.3%	2,884	6.3	1.2
KBC	798,600	11.2%	2,620	11.3	1.2
SSI	776,700	6.9%	1,035	25.3	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	1,966,700	2.1%	224	60.7	1.2
TNG	117,000	17.8%	2,666	7.3	1.3
MBS	74,000	10.5%	1,241	15.6	1.6
IDJ	59,230	8.0%	901	7.6	0.6
VCS	27,100	19.3%	6,049	10.3	2.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	482,717	23.2%	6,533	15.6	3.3
VHM	244,280	24.9%	8,269	6.8	1.5
BID	224,346	19.7%	3,972	11.2	2.0
VIC	194,511	5.1%	1,800	28.3	1.4
GAS	180,485	24.1%	7,689	12.3	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,203	5.6%	1,498	22.6	1.2
IDC	14,124	34.3%	6,675	6.4	2.3
THD	13,930	4.0%	672	59.2	2.3
KSF	12,090	4.9%	1,094	36.8	1.8
BAB	11,751	9.6%	1,139	12.4	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

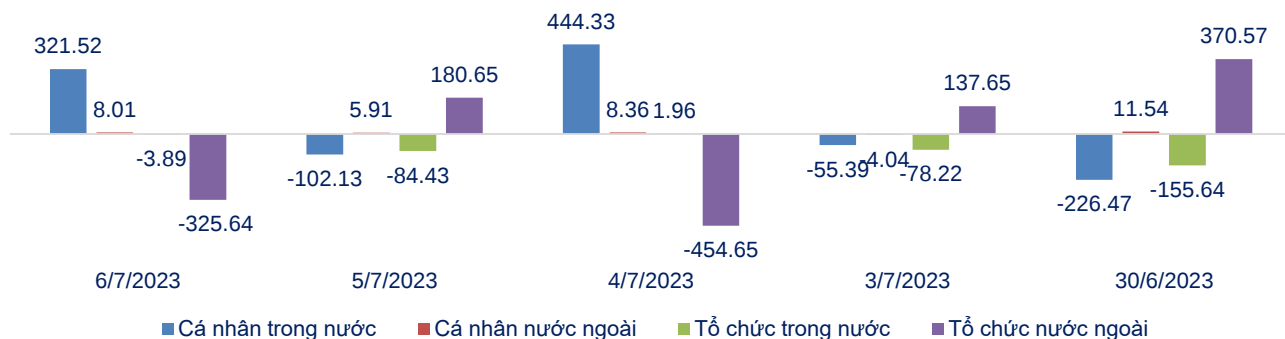
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	2.70	0.3%	49	174.2	0.5
HTN	2.53	1.7%	304	46.7	0.9
DRH	2.53	-0.4%	(48)	-	0.5
TGG	2.50	-15.6%	(2,111)	-	0.3
HBC	2.28	-51.1%	(5,930)	-	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	4.08	8.2%	921	7.5	0.6
IDJ	3.57	8.0%	901	7.6	0.6
VC7	3.48	2.4%	262	70.5	1.7
APS	3.33	-44.5%	(5,589)	-	0.6
VC2	3.04	4.1%	591	23.5	1.0

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	205.69	20.8%	3,174	5.8	1.1
VND	154.54	4.1%	487	39.6	1.6
VNM	99.47	23.5%	3,881	18.0	4.2
STB	75.73	14.9%	3,006	9.9	1.4
VCB	59.14	23.2%	6,533	15.6	3.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCM	-142.72	13.5%	3,175	17.4	2.3
HPG	-113.98	0.7%	114	236.0	1.6
GEX	-44.95	0.1%	23	842.5	0.8
DBC	-40.20	-3.8%	(741)	-	1.3
KBC	-32.31	11.2%	2,620	11.3	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	5.29	23.5%	3,881	18.0	4.2
AST	3.42	15.7%	1,561	38.0	5.4
VND	2.65	4.1%	487	39.6	1.6
GVR	1.94	6.1%	828	24.3	1.5
CTG	1.83	15.9%	3,548	8.3	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-5.89	11.8%	1,796	11.1	1.3
TPB	-5.40	20.3%	2,884	6.3	1.2
FRT	-3.33	11.2%	1,620	46.3	5.0
AAA	-2.92	2.0%	329	34.0	0.7
STB	-1.50	14.9%	3,006	9.9	1.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCM	145.28	13.5%	3,175	17.4	2.3
HPG	59.68	0.7%	114	236.0	1.6
STB	47.26	14.9%	3,006	9.9	1.4
HSG	25.54	-9.7%	(1,710)	-	1.0
DBC	25.30	-3.8%	(741)	-	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-169.93	20.8%	3,174	5.8	1.1
VND	-139.49	4.1%	487	39.6	1.6
VSC	-47.82	8.1%	2,115	18.1	1.5
GAS	-33.75	24.1%	7,689	12.3	2.8
VNM	-30.59	23.5%	3,881	18.0	4.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	52.55	0.7%	114	236.0	1.6
KBC	23.99	11.2%	2,620	11.3	1.2
PTB	22.16	14.9%	6,013	8.1	1.2
TPB	22.10	20.3%	2,884	6.3	1.2
GEX	20.99	0.1%	23	842.5	0.8

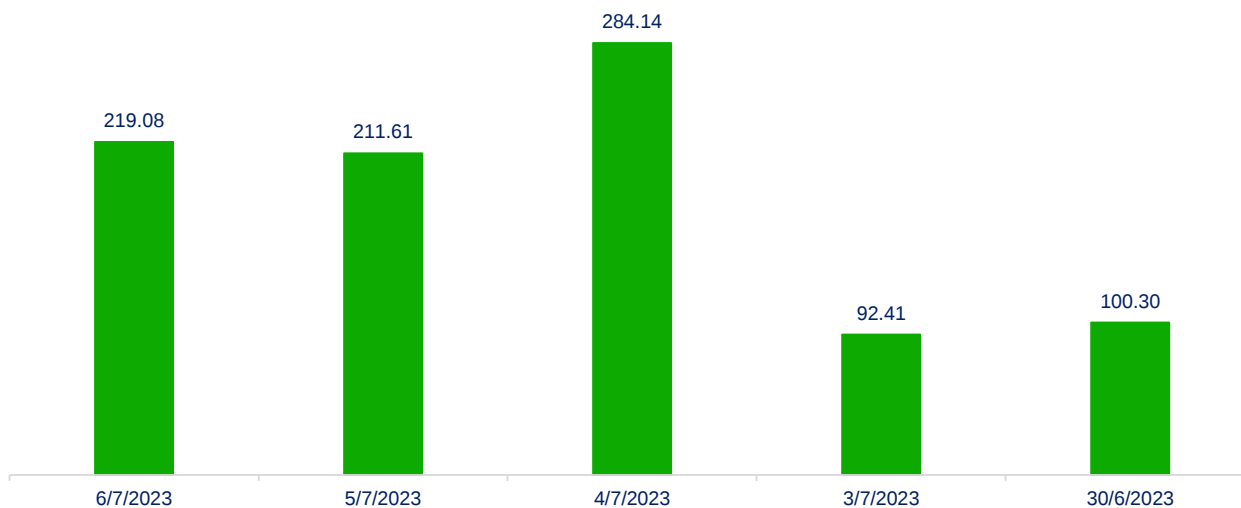
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-121.49	14.9%	3,006	9.9	1.4
VCB	-81.43	23.2%	6,533	15.6	3.3
VNM	-74.18	23.5%	3,881	18.0	4.2
HDB	-37.29	20.8%	3,174	5.8	1.1
NLG	-36.70	4.3%	1,467	22.9	1.0

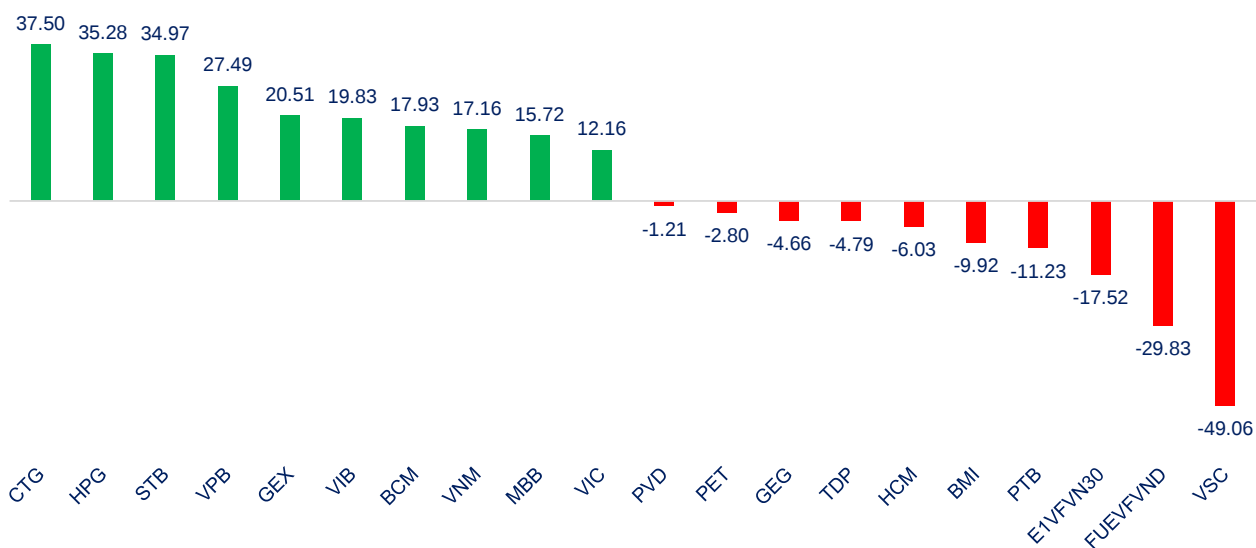


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn